

Số: /QĐ-THCS-THPTNH Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ (Lần 4)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN HUỆ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 4480/SGDDĐT-KHTC ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai các nội dung về công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3759/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 4) của Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ

(Kèm theo Mẫu biểu số 74 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC và Quyết định số 3759/QĐ-SGDĐT ngày 06/8/2026).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Phó hiệu trưởng, tổ trưởng văn phòng, các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Minh Tuyền

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCS-THPTNH ngày / /2026
của trường THCS và THPT Nguyễn Huệ)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
3	Chi hoạt động kinh tế	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	39.840.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	39.840.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>	
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	39.840.000
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	39.840.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Ngày tháng năm 2026

Hiệu trưởng

Phạm Thị Minh Tuyền

Số: 3759 /QĐ-SGDĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) nhiệm vụ chi lương và kinh phí tổ chức các hoạt động sinh hoạt Hè của 197 đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (danh sách theo phụ lục đính kèm) với tổng số tiền phân bổ là: 25.458.927 ngàn đồng (Hai mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi bổ sung ngân sách năm 2026 (lần 11) được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN Khu vực II (để phối hợp);
- Các Phòng GD - KBNN KV II nơi đơn vị giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC (Ng).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Phát



BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 (ĐIỀU CHỈNH LẦN 11)

(Đính kèm quyết định số: 3759/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4=5+8	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
		TỔNG CỘNG				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục)	422	070	098	(20.858.149)	(20.858.149)	(20.858.149)	(20.858.149)	(7.874.390)	(995.754)	(11.988.005)	-				
	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục) (Nguồn CCTL NSTP)	422	070	098	(4.600.778)	(4.600.778)	(4.600.778)	-				(4.600.778)	(1.742.311)	(1.804.428)	(1.054.039)	
		TỔNG CỘNG				25.458.927	25.458.927	25.458.927	20.858.149	7.874.390	995.754	11.988.005	4.600.778	1.742.311	1.804.428	1.054.039	
1	1006376	Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn	422	070	075	4.500	4.500	4.500	4.500			4.500	-				
2	1052360	Trung tâm GDTX Chu Văn An	422	070	075	39.720	39.720	39.720	39.720			39.720	-				
3	1076866	Trung tâm GD KTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	422	070	075	48.160	48.160	48.160	48.160			48.160	-				
4	1072912	Trường THPT Bùi Thị Xuân	422	070	074	84.900	84.900	84.900	84.900			84.900	-				
5	1061105	Trường THPT Trưng Vương	422	070	074	88.800	88.800	88.800	88.800			88.800	-				
6	1060634	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	422	070	074	89.700	89.700	89.700	89.700			89.700	-				
7	1133410	Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa	422	070	074	9.332.541	9.332.541	9.332.541	6.893.221	6.014.762	834.859	43.600	2.439.320		1.804.428	634.892	
8	1069844	Trường THPT Ten Lơ Man	422	070	074	68.000	68.000	68.000	68.000			68.000	-				
9	1086001	Trường THPT Lương Thê Vinh	422	070	074	90.160	90.160	90.160	90.160			90.160	-				
10	1069843	Trường THPT Giồng Ông Tố	422	070	074	64.240	64.240	64.240	64.240			64.240	-				
11	1003700	Trường THPT Thủ Thiêm	422	070	074	67.600	67.600	67.600	67.600			67.600	-				
12	1003702	Trường THPT Lê Quý Đôn	422	070	074	58.520	58.520	58.520	58.520			58.520	-				
13	1039166	Trường THPT Marie Curie	422	070	074	127.800	127.800	127.800	127.800			127.800	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4=5+8	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
14	1008124	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	422	070	074	78.960	78.960	78.960	78.960			78.960	-				
15	1046716	Trường THPT Nguyễn Thị Diêu	422	070	074	83.040	83.040	83.040	83.040			83.040	-				
16	1060559	Trường THPT Nguyễn Trãi	422	070	074	101.000	101.000	101.000	101.000			101.000	-				
17	1076001	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	422	070	074	86.960	86.960	86.960	86.960			86.960	-				
18	1042857	Trường THPT Hùng Vương	422	070	074	126.240	126.240	126.240	126.240			126.240	-				
19	1071559	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	422	070	074	85.480	85.480	85.480	85.480			85.480	-				
20	1068661	Trường THPT Trần Khai Nguyên	422	070	074	95.000	95.000	95.000	95.000			95.000	-				
21	1010342	Trường THPT Trần Hữu Trang	422	070	074	38.700	38.700	38.700	38.700			38.700	-				
22	1058084	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	422	070	074	138.760	138.760	138.760	138.760			138.760	-				
23	1060635	Trường THPT Bình Phú	422	070	074	79.500	79.500	79.500	79.500			79.500	-				
24	1109454	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	422	070	074	91.875	91.875	91.875	91.875			91.875	-				
25	1125719	Trường THPT Phạm Phú Thứ	422	070	074	89.920	89.920	89.920	89.920			89.920	-				
26	1040081	Trường THPT Lê Thánh Tôn	422	070	074	72.900	72.900	72.900	72.900			72.900	-				
27	1001956	Trường THPT Ngô Quyền	422	070	074	89.920	89.920	89.920	89.920			89.920	-				
28	1038773	Trường THPT Tân Phong	422	070	074	71.000	71.000	71.000	71.000			71.000	-				
29	1060564	Trường THPT Lương Văn Can	422	070	074	85.200	85.200	85.200	85.200			85.200	-				
30	1040014	Trường THPT Ngô Gia Tự	422	070	074	70.000	70.000	70.000	70.000			70.000	-				
31	1037221	Trường THPT Tạ Quang Bửu	422	070	074	73.560	73.560	73.560	73.560			73.560	-				
32	1076008	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Nguyễn Thị Định	422	070	074	63.920	63.920	63.920	63.920			63.920	-				
33	1105244	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	422	070	074	57.320	57.320	57.320	57.320			57.320	-				
34	1122500	Trường THPT Võ Văn Kiệt	422	070	074	74.240	74.240	74.240	74.240			74.240	-				
35	1040223	Trường THPT Nguyễn Huệ	422	070	074	85.400	85.400	85.400	85.400			85.400	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4=5+8	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
36	1040247	Trường THPT Phước Long	422	070	074	72.400	72.400	72.400	72.400			72.400	-				
37	1043924	Trường THPT Long Trường	422	070	074	72.960	72.960	72.960	72.960			72.960	-				
38	1110143	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	422	070	074	77.240	77.240	77.240	77.240			77.240	-				
39	1016211	Trường THPT Nguyễn Du	422	070	074	66.760	66.760	66.760	66.760			66.760	-				
40	1040082	Trường THPT Nguyễn An Ninh	422	070	074	82.400	82.400	82.400	82.400			82.400	-				
41	1058491	Trường THPT Nguyễn Khuyến	422	070	074	91.400	91.400	91.400	91.400			91.400	-				
42	1049798	Trường THCS - THPT Diên Hồng	422	070	074	64.000	64.000	64.000	64.000			64.000	-				
43	1045805	Trường THCS - THPT Sương Nguyệt Anh	422	070	074	59.400	59.400	59.400	59.400			59.400	-				
44	1040251	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	422	070	074	88.280	88.280	88.280	88.280			88.280	-				
45	1060858	Trường THPT Nguyễn Hiền	422	070	074	54.700	54.700	54.700	54.700			54.700	-				
46	1086050	Trường THPT Trần Quang Khải	422	070	074	100.120	100.120	100.120	100.120			100.120	-				
47	1003701	Trường THPT Võ Trường Toản	422	070	074	73.098	73.098	73.098	73.098			73.098	-				
48	1042858	Trường THPT Thạnh Lộc	422	070	074	85.686	85.686	85.686	85.686			85.686	-				
49	1038766	Trường THPT Trường Chinh	422	070	074	104.700	104.700	104.700	104.700			104.700	-				
50	1008063	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	422	070	074	85.000	85.000	85.000	85.000			85.000	-				
51	1060778	Trường THPT Tân Bình	422	070	074	73.650	73.650	73.650	73.650			73.650	-				
52	1046613	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	422	070	074	82.720	82.720	82.720	82.720			82.720	-				
53	1068660	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	422	070	074	89.050	89.050	89.050	89.050			89.050	-				
54	1042466	Trường THPT Trần Phú	422	070	074	95.840	95.840	95.840	95.840			95.840	-				
55	1032621	Trường THPT Tây Thạnh	422	070	074	117.000	117.000	117.000	117.000			117.000	-				
56	1125808	Trường THPT Lê Trọng Tấn	422	070	074	78.200	78.200	78.200	78.200			78.200	-				
57	1039169	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	422	070	074	102.164	102.164	102.164	102.164			102.164	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4=5+8	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
58	1042552	Trường THPT Thanh Đa	422	070	074	70.100	70.100	70.100	70.100			70.100	-				
59	1039987	Trường THPT Gia Định	422	070	074	100.320	100.320	100.320	100.320			100.320	-				
60	1060563	Trường THPT Phan Đăng Lưu	422	070	074	80.120	80.120	80.120	80.120			80.120	-				
61	1073003	Trường THPT Võ Thị Sáu	422	070	074	99.800	99.800	99.800	99.800			99.800	-				
62	1114361	Trường THPT Trần Văn Giàu	422	070	074	77.200	77.200	77.200	77.200			77.200	-				
63	1052865	Trường THPT Phú Nhuận	422	070	074	95.000	95.000	95.000	95.000			95.000	-				
64	1046742	Trường THPT Hàn Thuyên	422	070	074	75.000	75.000	75.000	75.000			75.000	-				
65	1046616	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	422	070	074	107.360	107.360	107.360	107.360			107.360	-				
66	1069842	Trường THPT Gò Vấp	422	070	074	70.000	70.000	70.000	70.000			70.000	-				
67	1040248	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	422	070	074	105.120	105.120	105.120	105.120			105.120	-				
68	1037383	Trường THPT Trần Hưng Đạo	422	070	074	112.000	112.000	112.000	112.000			112.000	-				
69	1058082	Trường THPT Tam Phú	422	070	074	77.480	77.480	77.480	77.480			77.480	-				
70	1014981	Trường THPT Thủ Đức	422	070	074	96.700	96.700	96.700	96.700			96.700	-				
71	1046744	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	422	070	074	79.400	79.400	79.400	79.400			79.400	-				
72	1037384	Trường THPT Hiệp Bình	422	070	074	65.045	65.045	65.045	65.045			65.045	-				
73	1118192	Trường THPT Đào Sơn Tây	422	070	074	80.160	80.160	80.160	80.160			80.160	-				
74	1127196	Trường THPT Linh Trung	422	070	074	100.205	100.205	100.205	100.205			100.205	-				
75	1046743	Trường THPT An Nhơn Tây	422	070	074	88.595	88.595	88.595	88.595			88.595	-				
76	1073929	Trường THPT Củ Chi	422	070	074	101.950	101.950	101.950	101.950			101.950	-				
77	1042554	Trường THPT Quang Trung	422	070	074	77.362	77.362	77.362	77.362			77.362	-				
78	1042734	Trường THPT Trung Phú	422	070	074	99.184	99.184	99.184	99.184			99.184	-				
79	1037222	Trường THPT Trung Lập	422	070	074	50.445	50.445	50.445	50.445			50.445	-				
80	1038764	Trường THPT Phú Hòa	422	070	074	78.584	78.584	78.584	78.584			78.584	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4=5+8	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
81	1038540	Trường THPT Tân Thông Hội	422	070	074	84.412	84.412	84.412	84.412			84.412	-				
82	1014727	Trường THPT Lý Thường Kiệt	422	070	074	76.375	76.375	76.375	76.375			76.375	-				
83	1046617	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	422	070	074	88.172	88.172	88.172	88.172			88.172	-				
84	1046615	Trường THPT Bà Điểm	422	070	074	93.718	93.718	93.718	93.718			93.718	-				
85	1076003	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	422	070	074	78.300	78.300	78.300	78.300			78.300	-				
86	1043921	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	422	070	074	80.200	80.200	80.200	80.200			80.200	-				
87	1114460	Trường THPT Phạm Văn Sáng	422	070	074	94.799	94.799	94.799	94.799			94.799	-				
88	1058527	Trường THPT An Lạc	422	070	074	90.120	90.120	90.120	90.120			90.120	-				
89	1086051	Trường THPT Vĩnh Lộc	422	070	074	74.760	74.760	74.760	74.760			74.760	-				
90	1110106	Trường THPT Bình Tân	422	070	074	84.440	84.440	84.440	84.440			84.440	-				
91	1105299	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	422	070	074	78.520	78.520	78.520	78.520			78.520	-				
92	1058492	Trường THPT Bình Chánh	422	070	074	108.500	108.500	108.500	108.500			108.500	-				
93	1061104	Trường THPT Đa Phước	422	070	074	64.000	64.000	64.000	64.000			64.000	-				
94	1039986	Trường THPT Lê Minh Xuân	422	070	074	96.856	96.856	96.856	96.856			96.856	-				
95	1118191	Trường THPT Tân Túc	422	070	074	98.000	98.000	98.000	98.000			98.000	-				
96	1120603	Trường THPT Vĩnh Lộc B	422	070	074	80.000	80.000	80.000	80.000			80.000	-				
97	1125803	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Bình Chánh	422	070	074	62.500	62.500	62.500	62.500			62.500	-				
98	1050023	Trường THPT Long Thới	422	070	074	59.596	59.596	59.596	59.596			59.596	-				
99	1104505	Trường THPT Phước Kiển	422	070	074	77.410	77.410	77.410	77.410			77.410	-				
100	1120604	Trường THPT Dương Văn Dương	422	070	074	83.000	83.000	83.000	83.000			83.000	-				
101	1035494	Trường THPT Bình Khánh	422	070	074	37.224	37.224	37.224	37.224			37.224	-				
102	1035432	Trường THPT Cần Thạnh	422	070	074	27.600	27.600	27.600	27.600			27.600	-				
103	1104035	Trường THPT An Nghĩa	422	070	074	26.649	26.649	26.649	26.649			26.649	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4=5+8	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
104	1127428	Trường THCS - THPT Thanh An	422	070	074	13.865	13.865	13.865	13.865			13.865	-				
105	1129175	Trường THPT Hồ Thị Bi	422	070	074	83.800	83.800	83.800	83.800			83.800	-				
106	1129141	Trường THPT Dương Văn Thi	422	070	074	61.480	61.480	61.480	61.480			61.480	-				
107	1129109	Trường THPT Phong Phú	422	070	074	61.000	61.000	61.000	61.000			61.000	-				
108	1129198	Trường THPT Bình Chiểu	422	070	074	82.300	82.300	82.300	82.300			82.300	-				
109	1035599	Trường THPT năng khiếu Thể dục Thể thao	422	070	074	25.680	25.680	25.680	25.680			25.680	-				
110	1154372	Trường THPT Hoàng Thế Thiện	422	070	074	3.338.519	3.338.519	3.338.519	2.040.523	1.859.628	160.895	20.000	1.297.996	1.060.862		237.134	
111	1085121	Trường THPT An Mỹ	422	070	074	39.500	39.500	39.500	39.500			39.500	-				
112	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074	37.000	37.000	37.000	37.000			37.000	-				
113	1085123	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074	40.320	40.320	40.320	40.320			40.320	-				
114	1085124	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	422	070	074	44.960	44.960	44.960	44.960			44.960	-				
115	1085125	Trường THPT Võ Minh Đức	422	070	074	48.640	48.640	48.640	48.640			48.640	-				
116	1084070	Trường THPT Bến Cát	422	070	074	59.500	59.500	59.500	59.500			59.500	-				
117	1084069	Trường THPT Tây Nam	422	070	074	37.500	37.500	37.500	37.500			37.500	-				
118	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074	47.950	47.950	47.950	47.950			47.950	-				
119	1004186	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	422	070	074	41.400	41.400	41.400	41.400			41.400	-				
120	1085127	Trường THPT Trần Văn Ôn	422	070	074	68.600	68.600	68.600	68.600			68.600	-				
121	1131135	Trường THPT Lý Thái Tổ	422	070	074	78.000	78.000	78.000	78.000			78.000	-				
122	1015603	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074	36.600	36.600	36.600	36.600			36.600	-				
123	1017932	Trường THPT Thái Hòa	422	070	074	35.360	35.360	35.360	35.360			35.360	-				
124	1019589	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074	35.400	35.400	35.400	35.400			35.400	-				
125	1084061	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương	422	070	074	52.000	52.000	52.000	52.000			52.000	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4=5+8	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
126	1084062	Trường THPT Dĩ An	422	070	074	39.200	39.200	39.200	39.200			39.200	-				
127	1084063	Trường THPT Bình An	422	070	074	38.900	38.900	38.900	38.900			38.900	-				
128	1130393	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương	422	070	074	53.200	53.200	53.200	53.200			53.200	-				
129	1084073	Trường THPT Phước Vĩnh	422	070	074	37.500	37.500	37.500	37.500			37.500	-				
130	1120440	Trường THPT Phước Hoà	422	070	074	20.260	20.260	20.260	20.260			20.260	-				
131	1032948	Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ	422	070	074	39.840	39.840	39.840	39.840			39.840	-				
132	1065495	Trường THCS và THPT Tây Sơn	422	070	074	29.800	29.800	29.800	29.800			29.800	-				
133	1122151	Trường THPT Long Hòa	422	070	074	18.425	18.425	18.425	18.425			18.425	-				
134	1085119	Trường THPT Thanh Tuyền	422	070	074	50.600	50.600	50.600	50.600			50.600	-				
135	1128990	Trường THCS và THPT Minh Hòa	422	070	074	23.160	23.160	23.160	23.160			23.160	-				
136	1085120	Trường THPT Dầu Tiếng	422	070	074	33.840	33.840	33.840	33.840			33.840	-				
137	1067145	Trường THPT Lê Lợi	422	070	074	18.960	18.960	18.960	18.960			18.960	-				
138	1015604	Trường THPT Tân Bình - Bình Dương	422	070	074	23.360	23.360	23.360	23.360			23.360	-				
139	1065497	Trường THPT Thường Tân	422	070	074	38.000	38.000	38.000	38.000			38.000	-				
140	1084068	Trường THPT Bàu Bàng	422	070	074	49.500	49.500	49.500	49.500			49.500	-				
141	1080598	Trường Phổ thông DTNT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074	18.048	18.048	18.048	18.048			18.048	-				
142	1015959	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	422	070	074	53.760	53.760	53.760	53.760			53.760	-				
143	1015809	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	422	070	074	53.410	53.410	53.410	53.410			53.410	-				
144	1015958	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	422	070	074	80.000	80.000	80.000	80.000			80.000	-				
145	1064445	Trường THPT Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	58.560	58.560	58.560	58.560			58.560	-				
146	1130341	Trường THPT Nguyễn Khuyến - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	79.280	79.280	79.280	79.280			79.280	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4=5+8	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
147	1015810	Trường THPT Châu Thành	422	070	074	38.310	38.310	38.310	38.310			38.310	-				
148	1087509	Trường THPT Bà Rịa	422	070	074	12.000	12.000	12.000	12.000			12.000	-				
149	1017526	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	422	070	074	53.508	53.508	53.508	53.508			53.508	-				
150	1015802	Trường THPT Trần Văn Quan	422	070	074	59.173	59.173	59.173	59.173			59.173	-				
151	1087510	Trường THPT Trần Quang Khải - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	59.737	59.737	59.737	59.737			59.737	-				
152	1115077	Trường THPT Minh Đạm	422	070	074	49.585	49.585	49.585	49.585			49.585	-				
153	1087508	Trường THPT Long Hải - Phước Tĩnh	422	070	074	48.833	48.833	48.833	48.833			48.833	-				
154	1015803	Trường THPT Võ Thị Sáu- Bà Rịa- Vũng Tàu	422	070	074	18.283	18.283	18.283	18.283			18.283	-				
155	1087511	Trường THPT Dương Bạch Mai	422	070	074	31.400	31.400	31.400	31.400			31.400	-				
156	1015807	Trường THPT Phú Mỹ	422	070	074	93.600	93.600	93.600	93.600			93.600	-				
157	1080597	Trường THPT Nguyễn Trãi Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	72.653	72.653	72.653	72.653			72.653	-				
158	1044107	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	38.399	38.399	38.399	38.399			38.399	-				
159	1004460	Trường THPT Trần Phú -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	45.000	45.000	45.000	45.000			45.000	-				
160	1015808	Trường THPT Ngô Quyền -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	12.800	12.800	12.800	12.800			12.800	-				
161	1080602	Trường THPT Trần Hưng Đạo-Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074	70.600	70.600	70.600	70.600			70.600	-				
162	1015806	Trường THPT Hắc Dịch	422	070	074	48.500	48.500	48.500	48.500			48.500	-				
163	1104499	Trường THPT Bưng Riềng	422	070	074	30.600	30.600	30.600	30.600			30.600	-				
164	1015804	Trường THPT Xuyên Mộc	422	070	074	52.400	52.400	52.400	52.400			52.400	-				
165	1015956	Trường THPT Hòa Bình	422	070	074	46.295	46.295	46.295	46.295			46.295	-				
166	1004457	Trường THPT Hòa Hội	422	070	074	46.000	46.000	46.000	46.000			46.000	-				
167	1017519	Trường THPT Phước Bửu	422	070	074	105.000	105.000	105.000	105.000			105.000	-				

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4=5+8	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
168	1014326	Trung tâm GDTX -HN Vũng Tàu	422	070	075	24.160	24.160	24.160	24.160			24.160	-				
169	1007327	Trung tâm GDTX Long Điền- Đất Đỏ	422	070	075	7.426	7.426	7.426	7.426			7.426	-				
170	1052914	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Xuyên Mộc	422	070	075	29.610	29.610	29.610	29.610			29.610	-				
171	1052920	Trường THPT Võ Thị Sáu- Côn Đảo	422	070	074	17.531	17.531	17.531	17.531			17.531	-				
172	1038803	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng quận Gò Vấp	422	070	072	863.462	863.462	863.462	-			-	863.462	681.449		182.013	
173	1127990	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Củ Chi	422	070	075	73.000	73.000	73.000	73.000			73.000	-				
174	1128388	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hóc Môn	422	070	075	31.000	31.000	31.000	31.000			31.000	-				
175	1127135	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	422	070	075	38.200	38.200	38.200	38.200			38.200	-				
176	1130465	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 3	422	070	075	24.920	24.920	24.920	24.920			24.920	-				
177	1126539	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Bình	422	070	075	36.200	36.200	36.200	36.200			36.200	-				
178	1126618	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Phú	422	070	075	36.000	36.000	36.000	36.000			36.000	-				
179	1127053	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Gò Vấp	422	070	075	8.800	8.800	8.800	8.800			8.800	-				
180	1127159	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	422	070	075	25.040	25.040	25.040	25.040			25.040	-				
181	1126763	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 1	422	070	075	7.320	7.320	7.320	7.320			7.320	-				
182	1126867	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 6	422	070	075	41.960	41.960	41.960	41.960			41.960	-				
183	1126947	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 10	422	070	075	34.840	34.840	34.840	34.840			34.840	-				
184	1126076	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	422	070	075	12.000	12.000	12.000	12.000			12.000	-				
185	1125713	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Tân	422	070	075	29.800	29.800	29.800	29.800			29.800	-				
186	1125664	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 4	422	070	075	3.100	3.100	3.100	3.100			3.100	-				
187	1127767	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 7	422	070	075	32.000	32.000	32.000	32.000			32.000	-				

